TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 196/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 15 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp AH, xã Tam Thôn H, huyện Cần Giờ, Tp. HCM

Bà Dương Thị Nguyệt C, sinh năm 1982; địa chỉ: 1/17 Tổ 15, khu phố 2, phường Tân H, Quận 7, Tp. HCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 181/2003, Quyển số 01 đăng ký tại UBND Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/12/2003 – Bản chính đã bị thất lạc).

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 289/2003, Quyển số 02/2003 đăng ký ngày 28/11/2003 tại UBND phường Tân H, Quận 7, Tp. HCM; và lời khai của các đương

sự, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Dương Nhựt V, sinh ngày 07/9/2003.

Ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Dương Nhựt V cho bà Dương Thị Nguyệt C trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tấn B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2020, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C xác định không có tài sản chung, không có nợ chung.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự Ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 181/2003, Quyển số 01 đăng ký tại UBND Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/12/2003 – Bản chính đã bị thất lạc).

- Về con chung: Ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Dương Nhựt V, sinh ngày 07/9/2003.

Giao trẻ Nguyễn Dương Nhựt V cho bà Dương Thị Nguyệt C trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tấn B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2020, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Nguyễn Tấn B chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Tấn B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Nguyễn Tấn B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C không có tài sản chung, không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032299 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Vậy, ông Nguyễn Tấn B và bà Dương Thị Nguyệt C đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
-UBND Phường A, Quận B, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Như Hoa